TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 11 - 01 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hải và bà Phan Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà: ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX - ST ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Khối C thuộc tầng 1, tầng 4, Tòa nhà N04, đường H, phường T, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Xuân H - Phó Giám đốc Ngân hàng H, Chi nhánh Quảng Bình (theo Quyết định ủy quyền số: 19/2020/QĐ-NHHT ngày 02/3/2020).

Người được ủy quyền lại: ông Võ Trung K - Phó phòng Kiểm tra nội bộ Ngân hàng H, Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: Số 121, đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (theo Quyết định ủy quyền số: 577/QĐ-NHHTQB ngày 24/6/2022).

2. Bị đơn: bà Lê Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - ông Võ Trung Kỳ - thống nhất trình bày:

Ngày 27/9/2019, bà Lê Thị H đã ký kết Hợp đồng cho vay số: 440/2019/HĐCV với Ngân hàng H - Chi nhánh Quảng Bình - Phòng Giao dịch Bố Trạch, số tiền vay 420.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm, mục đích vay vốn để hoàn trả chi phí cho con xuất khẩu lao động; lãi suất trong hạn 10,5%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất được ấn định vào các ngày 01/3, ngày 01/7 và ngày 01/11 hàng năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 420.000.000 đồng vào ngày 27/9/2019. Hai bên thoả thuận khoản vay của bà H được phân thành 5 kỳ trả nợ, cụ thể: ngày 27/9/2020 trả 50.000.000 đồng, ngày 27/9/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 27/9/2022 trả 100.000.000 đồng, ngày 27/9/2023 trả 100.00.000 đồng và ngày 27/9/2024 trả 120.000.000 đồng; trả lãi tiền vay theo định kỳ 01 tháng/lần kể từ ngày nhận tiền vay.

Để đảm bảo khoản vay này, bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10, diện tích 90,4m^2, tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 80m^2; địa chỉ thửa đất: thôn Ngoại H, xã H (nay là xã H1), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số CĐ 003546, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01905 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Bố Trạch cấp ngày 14/6/2016 mang tên Lê Thị H theo Hợp đồng thế chấp số: 128/2018/HĐTC ngày 18/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số: 26/2019/HĐBS ngày 26/9/2019. Tài sản đảm bảo tại thời điểm vay vốn trị giá 535.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H sử dụng vốn vay đúng mục đích và đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi định kỳ với số tiền 25.740.657 đồng (ngày trả lãi cuối cùng vào ngày 12/6/2020) nhưng không thanh toán tiền gốc. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ hạn trả nợ vào ngày 27/9/2020 và ngày 27/9/2021, Ngân hàng thông báo thu hồi nợ cho bà H. Ngày 28/12/2021, bà H trả được 100.000.000 đồng nợ gốc. Sau đó, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, làm việc, thông báo bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nhưng vẫn không có kết quả nên đến ngày 31/3/2022, Ngân hàng chuyển khoản vay sang nợ xấu và bà H phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng. Tổng dư nợ của bà H với Ngân hàng đến hết ngày 23/6/2022 (ngày chốt số liệu lập hồ sơ khởi kiện) là 414.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc 320.000.000 đồng, nợ lãi 94.000.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H không chấp hành. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị H trả nợ cho Ngân hàng số tiền 414.000.000 đồng. Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 20/9/2022, bị đơn - bà Lê Thị H trình bày: Bà thừa nhận ngày 27/9/2019, bà có vay tại Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch huyện Bố Trạch số tiền 420.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Để bảo đảm khoản tín dụng trên, bà đã thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10, diện tích 90,4m^2, tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng 80m^2 theo Hợp đồng thế chấp số: 128/2018/HĐTC ngày

18/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số: 26/2019/HĐBS ngày 26/9/2019. Trong quá trình vay, bà đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 23/6/2022, bà còn nợ Ngân hàng số tiền 414.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc 320.000.000 đồng, nợ lãi 94.000.000 đồng. Hiện nay bà đang đau ốm nên bà yêu cầu Ngân hàng kéo dài thời gian, cho bà tự bán nhà, đất rồi trả nợ cho Ngân hàng.

Tòa án tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 22/8/2022 và ngày 07/9/2022, nhưng bà Lê Thị H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiếp tục tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào 20/9/2022, tại phiên hòa giải, đại diện phía nguyên đơn đã thống nhất tính đến ngày 20/9/2022 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi 107.947.165 đồng, tổng cộng: 427.947.165 đồng. Phía nguyên đơn không nhất trí với phương án trả nợ của bà H đưa ra mà yêu cầu bà H phải trả xong một lần số nợ còn lại nên bà H không thống nhất ký vào biên bản hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bà H đang thế chấp. Ngày 23/11/2022, Hội đồng xem xét, thẩm định xác định tài sản thế chấp là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10, diện tích 90,4m^2 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 80m^2 không có tranh chấp, không có lấn chiếm.

Ngày 23/12/2022, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng bà Lê Thị H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử tiếp theo là ngày 11/01/2023, nhưng tại phiên tòa hôm nay (ngày 11/01/2023) bà Lê Thị H tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày bổ sung khoản tiền lãi phát sinh: tính đến ngày 11/01/2023, bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền 125.740.657 đồng, trong đó: trả nợ gốc 100.000.000 đồng, trả nợ lãi 25.740.657 đồng. Yêu cầu phía bị đơn trả số nợ gốc 320.000.000 đồng và nợ lãi 118.294.188 đồng, tổng cộng 438.294.188 đồng. Số tiền lãi được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong các khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Trường hợp bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Tại phiên toà vắng mặt bà Lê Thị H, nhưng trước đó bà H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên toà hai lần, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị H.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ và buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại khoản 2 Điều 15 Hợp đồng cho vay số: 440/2019/HĐCV ngày 27/9/2019, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bà Lê Thị H có nơi cư trú là thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ tổ chức được phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/9/2022 nhưng không thành. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, nhưng tại phiên tòa ngày 23/12/2022 bà H vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bà H tiếp tục vắng mặt không có lý do, mặc dù bà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đến phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị H.

[2] Về nội dung vụ án: Qua xem xét các nội dung ghi trong Hợp đồng cho vay số: 440/2019/HĐCV ngày 27/9/2019, thấy rằng: các thỏa thuận giữa Ngân hàng với bà Lê Thị H hoàn toàn thể hiện ý chí tự nguyện giữa hai bên, cả hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 119, 385, 398, 401, 463, 468 Bộ luật dân sự nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Để thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân vốn vay cho bà Lê Thị H số tiền 420.000.000 đồng và bà H đã sử dụng khoản vay này đúng mục đích. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng kỳ hạn, do đó, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và yêu cầu bà H thanh toán khoản vay. Tính đến ngày 23/6/2022, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 414.000.000 đồng và sau khi Ngân

hàng khởi kiện, đến ngày 20/9/2022 bà H chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 125.740.657 đồng. Như vây, bà H đã không thực hiện đúng thỏa thuận đã giao kết tại hợp đồng cho vay, vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng, nợ lãi 118.294.188 đồng, tổng cộng 438.294.188 đồng (tính đến ngày xét xử vụ án là ngày 11/01/2023) là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản nợ: Qua xem xét Hợp đồng thế chấp số: 128/2018/HĐTC ngày 18/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số: 26/2019/HĐBS ngày 26/9/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng với bà Lê Thị H, thấy rằng, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực với cả hai bên. Bà H đã cam kết dùng tài sản thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10, diện tích 90,4m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 80m^2, tại thôn N, xã H, huyện B để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ. Nếu bà H không thanh toán được khoản nợ thì nên Ngân hàng có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ.

Tiền lãi trên số nợ còn lại sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 12/01/2023 (ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi bà Lê Thị H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 440/2019/HĐCV ngày 27/9/2019.

[4] Về chi phí tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản đang thế chấp. Ngân hàng đã tạm ứng khoản chi phí xem xét, thẩm định hết 2.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do vậy, bà Lê Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng là 2.500.000 đồng.

[5] Về án phí vụ kiện: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Lê Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng H khởi kiện và được chấp nhận nên không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều

91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng H số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/01/2023) là 438.294.188 đồng (Bốn trăm ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tám đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và nợ lãi 118.294.188 đồng (Một trăm mười tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Trường hợp bà Lê Thị H không thanh toán được các khoản nợ, thì Ngân hàng H được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10, diện tích 90,4m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng 80m^2; địa chỉ thửa đất: thôn Ngoại H, xã H (nay là xã H1), huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 003546, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01905 do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp ngày 14/6/2016 mang tên Lê Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số: 128/2018/HĐTC ngày 18/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số: 26/2019/HĐBS ngày 26/9/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng H với bà Lê Thị H.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm vụ án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 440/2019/HĐCV ngày 27/9/2019 mà hai bên đã ký kết.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng H đã nộp tạm ứng trước đây.

3. Về án phí vụ kiện: Bà Lê Thị H phải nộp 21.532.000 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng H số tiền 10.280.000 đồng (Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002562 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 11/01/2023 (đối với những người có mặt) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu